TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21-12-2023.
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Phúc**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trần Thanh Hải**
2. Bà **Nguyễn Thị Chinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-ST ngày 08 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh Trương Việt H, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số B L, Tổ dân phố B, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh L.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2023 và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Chị và anh Trương Việt H tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống năm 2010. Vợ chồng kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, Đ, L vào năm 2010. Do bảo quản không cẩn thận đã mất cả 2 bản chính đăng ký kết hôn, chị có liên hệ Ủy ban nhân dân thị trấn D để xin cấp lại bản sao trích lục kết hôn. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân thị trấn D sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn không tìm thấy tên của chị và anh Trương Việt H có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến đầu năm 2021 chị và anh H thường

xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi với nhau khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước. Nguyên nhân mâu thuẫn là về vấn đề tiền bạc, nợ nần. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không được. Đến nay tình cảm ngày càng cạn kiệt và không còn có thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 9 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H.

Bị đơn anh Trương Việt H tại bản tự khai ngày 01/11/2023 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Trúc L tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và kết hôn năm 2010. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2010. Do bảo quản không cẩn thận đã làm mất bản chính đăng ký kết hôn. Anh và chị L đã liên hệ Ủy ban nhân dân thị trấn D để xin cấp lại bản sao trích lục kết hôn. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân thị trấn D sau khi kiểm tra sổ đăng ký kết hôn không tìm thấy tên của anh và chị L có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2023 anh muốn về nhà ở địa chỉ số B L, tổ dân phố B, thị trấn D để sinh sống nhưng chị L lại muốn ở nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng không có tiếng nói chung và không về ở chung với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung, tên: Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012.

Ý kiến của chị L và anh H thống nhất giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Chị Nguyễn Thị Trúc L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị L và anh H đều có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; Các đương sự chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị L và anh H không phải là vợ chồng; Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn D, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H xác lập quan hệ sống chung từ năm 2010. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 cho đến nay. Chị L và anh H đều xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D năm 2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn Dran cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn, đồng thời Ủy ban nhân dân thị trấn D xác nhận hồ sơ lưu trữ tại địa phương không có tên chị L đăng ký kết hôn với anh H. Mặt khác, không có chứng cứ chứng minh việc chị L và anh H đăng ký kết hôn với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc chị L và anh H sống chung là không hợp pháp và không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11, 12, 14 Luật hôn nhân năm 2000. Nay chị L yêu cầu được ly hôn, phía anh H cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp không công nhận chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung, tên: Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 22/01/2012.

Chị L và anh H thống nhất giao con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trương Nguyễn Quỳnh A có nguyện vọng được sống với anh H. Hiện nay cháu Quỳnh A đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh H không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Phía

chị L cũng có nguyện vọng giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Quỳnh A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của các bên. Đối với cấp dưỡng do các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập. Sau này có yêu cầu hoặc tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H đều xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh H không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thư ng vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Trương Việt H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày: 22/01/2012 cho anh Trương Việt H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3.Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002251 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị L đã nộp đủ án phí. Anh Trương Việt H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phúc